TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **189**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10- 08 - 2026.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2026/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Ngô Thị Thùy T, sinh năm 1995. Căn cước công dân số: 075195010724. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã H, Thành phố Đ (Địa chỉ cũ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai).

- ***Bị đơn***: Ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N), sinh năm 1995. Thẻ thường trú số: 065 620 538 do Chính phủ Hoa Kỳ cấp. Nơi cư trú: Số C C Dr. P, TX 75407-USA. Địa chỉ cư trú hiện tại: Số A B, McKinney, T. Nơi làm việc: Nail Salon, 485 Marketplace, S, F, TX75126 469-602. Địa chỉ email: nhatphong1709@gmail.com.

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy T trình bày:***

Bà Ngô Thị Thùy T và ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N) tự nguyện yêu thương, chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đ) vào ngày 05/04/2018.

Sau khi kết hôn, ông P quay trở về Mỹ sinh sống với gia đình, rất ít khi về Việt Nam chung sống với bà T, vợ chồng chỉ liên hệ qua điện thoại. Do đó thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến tình cảm phai nhạt dần và đến nay không còn yêu thương dành cho nhau nữa. Bà T và ông P đã sống ly thân hơn 05 năm. Bà T có tìm hiểu người nhà của ông P ở bên Mỹ thì được biết ông P đã kết hôn với người phụ nữ khác. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với

ông P để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

** **Ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N) trình bày ý kiến qua email như sau:***

Tôi là Nguyễn Nhật P là bị đơn trong vụ án ly hôn với bà Ngô Thị Thùy T. Tôi đã nhận được thông báo qua email. Chúng tôi muốn tòa giải quyết cho chúng tôi ly hôn.

** **Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai:*** Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà Ngô Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Nhật P (N) vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Ngô Thị Thùy T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã H, thành phố Đ. Ông Nguyễn Nhật P (N) hiện đang cư trú tại Số A B, McKinney, T.

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

[1.2] Bà Ngô Thị Thùy T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Nhật P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Thùy T và ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N) là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 05/04/2018 theo đúng quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Bà Ngô Thị Thùy T cương quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Nhật P vì giữa bà và ông P không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 năm nay nên tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Ông Nguyễn Nhật P cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T được ly hôn.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Ngô Thị Thùy T và ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N) đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Ngô Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N).

2.2. Về con chung: Bà Ngô Thị Thùy T và ông Nguyễn Nhật P trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Thùy T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Nhật P không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Ngô Thị Thùy T trình bày không có nợ chung, ông Nguyễn Nhật P không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Ngô Thị Thùy T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thùy T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N).

2. Về con chung: Các đương sự trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thùy T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002807 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Bà Ngô Thị Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Thùy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo

quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Nhật P (Nguyen N) có quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố đồng Nai;
- UBND phường Trảng Bom, Tp. Đồng Nai (Giấy CNKH số 59 do UBND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/04/2018);
- Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Duy Mạnh